TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST Ngày: 31-8-2023 *V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Ông Trương Văn Nghĩa

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quách Văn Diển, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2023/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đinh L, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 23/02/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đinh L trình bày:

Ông và bà Huỳnh T có tổ chức đám cưới và đến ngày 14/3/2019 ông và bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng ông sống rất vui vẻ, hạnh phúc, dần về sau vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bà T thường làm theo ý mình, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng ông đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không đổi, đã ly thân với nhau từ tháng 9/2021 đến nay nên ông quyết định ly hôn với bà Huỳnh T.

Về con chung: Ông và bà Huỳnh T có một con chung tên Đinh H, sinh ngày 24/11/2019 hiện nay cháu H sống chung với mẹ ruột là bà T nên ông giao cháu H

cho bà T nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Bị đơn bà Huỳnh T đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Toà án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh L và bà Huỳnh T được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 14/3/2019 ông L và bà T là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa L và bà T, theo ông L cho rằng vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bà T sống cứ làm theo ý mình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng ông đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không đổi, đã ly thân với nhau từ tháng 9/2021 đến nay nên ông giữ nguyên quyết định ly hôn với bà Huỳnh T. Còn bà T đã được Tòa án thông báo về việc ông L yêu cầu ly hôn với bà nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa bà T vẫn không có ý kiến cũng không đến Tòa án để tham gia vụ kiện. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương nhau, chung thủy, quan tâm, chăm sóc nhau, giúp đỡ nhau và tôn trọng lẫn nhau và nền tảng của cuộc sống hôn nhân hạnh phúc là việc vợ chồng tin tưởng nhau, thương yêu nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông L và bà T đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa ông L và bà T là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L, cho ông L được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: Ông Đinh L và bà Huỳnh T có một con chung là cháu Đinh H, sinh ngày 24/11/2019 hiện nay cháu H sống chung với mẹ ruột là bà T, ông L đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, còn bà T không thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, con chung giữa ông L và bà T hiện nay mới hơn 03 tuổi và theo như ông L trình bày thì từ khi ly thân đến nay cháu H được mẹ ruột nuôi dưỡng nên cần đảm bảo môi trường sống của cháu H được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho bà T tiếp tục

nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Ông L được quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Mặc dù bà T không thể hiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông L mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Buộc ông L cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 31/8/2023 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Đinh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng(*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009251 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bà Huỳnh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh l được ly hôn với bà Huỳnh t.

2/ Về con chung: Giao cháu Đinh H, sinh ngày 24/11/2019 cho bà Huỳnh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. ông Đinh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Đinh L cấp dưỡng nuôi cháu Đinh H, sinh ngày 24/11/2019 hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 31/8/2023 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Ông Đinh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009251 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bà Huỳnh T không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã P,
huyện H, Hậu Giang;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng